|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN TAM NÔNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG MẦM NON****PHÚ THÀNH B** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| –––––– |  |

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2021(1)**

**(Ngày 24 tháng 12 năm 2021)**(2)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Trần Thị Lệ Huyền. Ngày, tháng, năm sinh: 19/7/1983

- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Phú Thành B.

- Nơi thường trú: Số nhà 81, lô B3, tổ 4, Ấp Phú Lâm, Xã Phú Thành B, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp

- Số CCCD/CMND(3): 341198203, ngày cấp: 26/3/2015, nơi cấp : Công an Đồng Tháp.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Trịnh Văn Nhựt. Ngày, tháng, năm sinh: 25/11/1982

- Nghề nghiệp: Nhân viên bảo vệ

- Nơi làm việc(4): Trường Mầm non Phú Thành B, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Nơi thường trú: Số nhà 81, lô B3, tổ 4, Ấp Phú Lâm, Xã Phú Thành B, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp

- Số CCCD/CMND : 341198209, ngày cấp: 22/7/2011, nơi cấp : Công an Đồng Tháp.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

a) Con thứ nhất:

- Họ và tên: Trịnh Phước Lộc. Ngày, tháng, năm sinh: 15/02/2005

- Nơi thường trú: Số nhà 81, lô B3, tổ 4, Ấp Phú Lâm, Xã Phú Thành B, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp

- Số CCCD/CMND: Chưa có.

b) Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: Trịnh Gia Hân. Ngày, tháng, năm sinh: 09/12/2009

- Nơi thường trú: Số nhà 81, lô B3, tổ 4, Ấp Phú Lâm, Xã Phú Thành B, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp

- Số CCCD/CMND: Chưa có.

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN(5)**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất(6)

1.1 Đất ở (7):

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ (8): Số nhà 81, lô B3, tổ 4, cụm dân cư Ấp Phú Lâm, Xã Phú Thành B, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp

- Diện tích (9): 110 m2

- Giá trị (10): 20.700.000 đồng, mua năm 2012.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng (11): Chưa có

- Thông tin khác (12): Hiện trạng đất có nhà đang ở.

1.2 Đất khác (13):

1.2.1 Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Đất trồng lúa nước. Địa chỉ: ấp II, xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Diện tích: 3.715 m2

- Giá trị (10): 222.900.000 đồng, Thừa kế năm 2020.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: số CY 413106 (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 2). Cấp ngày 17/12/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cho bà Trần Thị Lệ Huyền.

- Thông tin khác (nếu có): Hiện cho bà Trần Thị Lệ Hằng (em ruột) thuê.

1.2.2 Thửa thứ 2:

- Loại đất: Đất trồng lúa nước. Địa chỉ: ấp Bình Hòa, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Diện tích: 4.117 m2

- Giá trị: 247.020.000 đồng. Thừa kế năm 2020.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: số CY 413105 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 2). Cấp ngày 17/12/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cho bà Trần Thị Lệ Huyền.

- Thông tin khác (nếu có): Hiện cho bà Trần Thị Lệ Hằng (em ruột) thuê.

2. Nhà ở, công trình xây dựng.

2.1 Nhà ở:

2.1.1 Nhà thứ nhất.

- Địa chỉ: Số nhà 81, lô B3, tổ 4, Ấp Phú Lâm, Xã Phú Thành B, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp

- Loại nhà (14): Cụm dân cư. Cấp công trình: 4

- Diện tích sử dụng (15): diện tích xây dựng 110 m2.

- Giá trị ước tính (10): 250.000.000 đ. Tự xây dựng năm 2012.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Chưa có

- Thông tin khác (nếu có):

2.2 Công trình xây dựng khác(16): Không có. (nhà xưởng, kho, bể bơi ngoài trời,…)

2.2.1 Công trình thứ nhất: Không có

3. Tài sản gắn liền với đất (17): Không có (cây cảnh, cây ăn trái, nhà thuỷ tạ, non bộ, tượng, rừng,...50 triệu trở lên)

3.1 Cây lâu năm (18): Không có

3.2 Rừng sản xuất (19): Không có

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không có.

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên(20): Không có.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên(21): Không có.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có.

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không có.

8. Tài sản ở nước ngoài(26): Không có.

9. Tài khoản ở nước ngoài(27): Không có.

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(28):

- Tổng thu nhập của người kê khai: 98.400.000đ/năm

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 32.400.000đ/năm

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0

- Tổng các khoản thu nhập chung: 150.800.000đ/năm

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (29)** *(nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Loại tài sản, thu nhập** | **Tăng (30)/giảm (31)** | | **Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập** |
| **Số lượng tài sản** | **Giá trị tài sản, thu nhập** |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất  1.1. Đất ở  1.2. Các loại đất khác: Đất ruộng  2. Nhà ở, công trình xây dựng  2.1. Nhà ở  2.2. Công trình xây dựng khác  3. Tài sản khác gắn liền với đất  3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất  3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất  4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên  5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.  6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):  6.1. Cổ phiếu  6.2. Trái phiếu  6.3. Vốn góp  6.4. Các loại giấy tờ có giá khác  7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:  7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).  7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).  8. Tài sản ở nước ngoài.  9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(32) |  | 150.800.000đ | Thu nhập từ lương hàng tháng và cho thuê đất ruộng. |

|  |  |
| --- | --- |
| *Tam Nông, ngày………tháng 12 năm 2021*  **NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)* | *Tam Nông, ngày 24 tháng 12 năm 2021*  **NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Trần Thị Lệ Huyền**